

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 10 - 2022

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thanh Huyền và ông Lê Quang Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký viên chính, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1940;

Địa chỉ nơi cư trú: Đội M, thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1957;

Địa chỉ nơi cư trú: Đội M, thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 09/5/2022, bản tự khai ngày 08/7/2022 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà Phạm Thị H đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 01/3/2021. Sau kết hôn, ông và bà H không sống chung với nhau, mỗi người sinh sống tại nhà riêng của mình có trước khi kết hôn. Mục đích của cuộc hôn nhân là để giúp nhau trong cuộc sống khi tuổi già, sức yếu, ông mong muốn bà H sau khi kết hôn đến chung sống tại nhà của ông, nhưng bà H không đồng ý, nên từ đó vợ chồng mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân nhau kể từ sau khi kết hôn cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Ông H xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên yêu cầu được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông H thừa nhận vợ, chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H thừa nhận vợ, chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Phạm Thị H: Tại phiên tòa bà H vắng mặt, nhưng trong bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 05/10/2022 gửi Tòa án, bà H nêu ý kiến như sau: Do tuổi cao, sức khỏe yếu, đường xa, việc đi lại gặp khó khăn, không thể trực tiếp đến Tòa án để giải quyết được, nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Về nội dung đơn ly hôn của ông H: bà H thừa nhận quá trình kết hôn như ông H đã trình bày. Riêng về mâu thuẫn vợ chồng bà không nhất trí, vì bà cho rằng, sau kết hôn dù vợ chồng không chung sống với nhau nhưng do khoảng cách giữa nhà bà và nhà ông H gần nhau nên bà thường xuyên đến chăm sóc ông H, vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, việc ông H yêu cầu ly hôn, bà không rõ nguyên nhân. Bà xác định, bà vẫn còn tình cảm với ông H nên ông H yêu cầu ly hôn, bà không chấp nhận.

Về con chung: Bà H thừa nhận vợ, chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Phạm Thị H là loại việc quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn bà H đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bà H đều vắng mặt. Ngày 05/10/2022 bà H có bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Trong các văn bản này, bà H nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông H. Tại phiên tòa vắng mặt bà H, nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của ông H, bà H, thì ông H, bà H đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã M vào ngày 01/3/2021, do đó hôn nhân giữa ông H, bà H là hợp pháp. Theo trình bày của ông H thì sau khi kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách sống không hợp nhau, khác biệt nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, không chịu sống chung cùng nhau tại nhà ông H, nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Trên thực tế theo thừa nhận của các bên thì sau khi kết hôn ngày 01/3/2021 hai bên không sống chung cùng nhau cho đến nay, mỗi người ở nhà riêng của mình. Nguyên đơn ông H yêu cầu ly hôn, bị đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến không chấp nhận ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì "...Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu

của nghề nghiệp, công tác...”. Khi tiến tới hôn nhân giữa ông H và bà H cả hai tuổi đã cao, mỗi người đều có nhà riêng gần nhau, nhưng nguyện vọng của ông H mong muốn kết hôn để cùng nhau sống chung tại nhà ông H, để giúp đỡ nhau khi tuổi già, ốm đau...là hợp đạo lý, phù hợp với điều kiện cuộc sống hiện tại của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật. tuy nhiên, nguyện vọng của ông hằng không được bà H không đồng ý, trong khi bà H có điều kiện để sống chung tại nhà của ông H. Do hai bên không dàn xếp thống nhất với nhau được về nơi sống chung, nên dẫn đến mâu thuẫn và mâu thuẫn này kéo dài đến mức trầm trọng không thể khắc phục được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giurac hai bên ngày càng trầm trọng và không khắc phục được, mục đích hôn nhân giữa ông H và bà H không đạt được, đòi sống chung không thể kéo dài; quá trình giải quyết vụ án, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, nên cần chấp nhận yêu cầu của ông H, xử cho ông H được ly hôn bà H là phù hợp với tình trạng hôn nhân giữa hai bên và quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều thừa nhận không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H có văn bản gửi cho Hội đồng xét xử và trình bày trực tiếp đề nghị Hội đồng xét xử xét miễn án phí với lý do là người cao tuổi. Xét đơn đề nghị miễn án phí của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án thì nguyên đơn ông H sinh năm 1940 thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định của pháp luật, nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí sơ thẩm cho nguyên đơn ông H. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nguyên đơn ông H đã nộp trước đó khi khởi kiện được trả lại cho ông H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 150 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho ông Nguyễn Văn H ly hôn bà Phạm Thị H.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều thừa nhận không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H. Trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000

đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai số 31AA/2021/0004454 ngày 14/6/2022.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/10/2022; bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã M;
- (Nơi ĐKKH để ghi chú vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải